

**TỔNG CÔNG TY XDCT
GIAO THÔNG 1 – CÔNG TY CP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **0719** /TCT-HĐQT
V/v: Công bố thông tin định kỳ trên
cổng thông tin điện tử của UBCKNN.

Hà Nội, ngày **04** tháng 08 năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tên công ty: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP

Trụ sở chính: 623 La Thành – phường Thành Công – Ba Đình – Hà Nội

Điện thoại: 043.8350930

Fax: 043.7721232

Người thực hiện công bố thông tin: Cán Hồng Lai

Địa chỉ: Số 24A, ngõ 84, phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 0913203439 – 043.8350099

Fax: 043.7721232

Loại thông tin công bố: ☒ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

1. Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II năm 2016.
2. Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2016
3. Giải trình chênh lệch: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính Quý II năm 2016.

(Chi tiết xem file đính kèm)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng giám đốc;
- Trưởng BKS (b/c);
- Website Cienco1;
- Lưu: QHCB, VP.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Cán Hồng Lai

TỔNG CÔNG TY XDCT GIAO THÔNG 1 – CÔNG CP



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CÔNG TY MẸ
QUÝ 2 NĂM 2016**

Hà nội, tháng 07/2016

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
QUÝ 2/2016**

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 - Công ty CP cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm:

Hội đồng quản trị

Cần Hồng Lai	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Phạm Văn Diệt	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Phạm Ngọc Hòa	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Phạm Việt Khoa	Ủy viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm 14/06/2016)
Ông Vương Đức Thọ	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Trần Đức Hòa	Ủy viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 14/06/2016)
Ông Đào Việt Tiến	Ủy viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 14/06/2016)
Ông Quách Bá Vương	Ủy viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 14/06/2016)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Quách Bá Vương	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 14/06/2016)
Ông Đinh Văn Thanh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 14/06/2016)
Ông Đinh Ngọc Đan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trường Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Đức Thọ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Việt Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Thắng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,




Đinh Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2016

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CTGT 1 - CÔNG TY CP

Số 623 Đường La Thành, Phường Thành Công,

Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động

từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2/2016

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU B 01a-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	SỐ CUỐI QUÝ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	3,139,900,134,253	3,190,142,884,990
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	378,334,777,515	259,241,646,386
1. Tiền	111	301,770,594,625	162,421,143,305
2. Các khoản tương đương tiền	112	76,564,182,890	96,820,503,081
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	31,375,000,000	23,818,679,809
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	31,375,000,000	23,818,679,809
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	1,730,617,250,152	2,020,046,709,499
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1,171,513,285,332	1,486,332,745,766
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	362,348,651,236	317,331,944,571
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	51,946,181,282	50,000,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	168,638,742,483	190,211,629,343
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	-23,829,610,181	-23,829,610,181
IV. Hàng tồn kho	140	975,546,270,908	857,809,057,004
1. Hàng tồn kho	141	975,546,270,908	857,809,057,004
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	24,026,835,678	29,226,792,292
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	303,588,469	3,980,972,110
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	21,131,372,391	23,620,536,515
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	2,591,874,818	1,625,283,667
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	615,571,470,566	665,418,434,022
I- Các khoản phải thu dài hạn	210	910,644,700	460,644,700
1. Phải thu dài hạn khác	216	910,644,700	460,644,700
II. Tài sản cố định	220	110,771,398,562	128,975,718,350
1. Tài sản cố định hữu hình	221	98,769,987,633	116,842,443,406
- Nguyên giá	222	346,282,219,365	358,676,450,862
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	-247,512,231,732	-241,834,007,456
2. Tài sản cố định vô hình	227	12,001,410,929	12,133,274,944
- Nguyên giá	228	13,183,548,462	13,183,548,462
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	-1,182,137,533	-1,050,273,518
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	101,280,000	82,840,000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	101,280,000	82,840,000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	454,872,370,801	471,631,879,214
1. Đầu tư vào công ty con	251	35,270,423,257	46,936,423,257
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	231,527,236,512	230,948,758,506
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	265,679,135,019	271,351,121,438
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	-77,604,423,987	-77,604,423,987
VI. Tài sản dài hạn khác	260	48,915,776,503	64,267,351,758
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	48,915,776,503	64,267,351,758
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	3,755,471,604,819	3,855,561,319,012

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CTGT 1 - CÔNG TY CPSố 623 Đường La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động
từ 01/04/2016 đến 30/06/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Quý 2/2016

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU B 01a-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	SỐ CUỐI QUÝ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	3,010,865,175,706	3,068,937,519,557
I. Nợ ngắn hạn	310	2,748,869,686,596	2,791,590,829,331
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	1,413,226,782,105	1,674,247,883,602
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	674,041,668,232	441,171,050,847
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	92,915,246,878	129,594,048,371
4. Phải trả người lao động	314	22,629,668,987	57,294,079,874
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	154,374,520,569	141,283,501,863
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	0	664,461,250
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	216,601,423,140	210,764,102,979
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	151,585,634,929	103,042,112,380
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17,258,859,885	30,850,927,335
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	6,235,881,871	2,678,660,830
II. Nợ dài hạn	330	261,995,489,110	277,346,690,226
1. Phải trả dài hạn khác	337	13,358,137,000	14,877,699,500
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	219,892,034,315	229,743,085,257
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	28,745,317,795	32,725,905,469
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	744,606,429,113	786,623,799,455
I. Vốn chủ sở hữu	410	744,606,429,113	786,623,799,455
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	700,000,000,000	700,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	700,000,000,000	700,000,000,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	17,184,339,458	8,333,588,483
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	27,422,089,655	78,290,210,972
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	1,031,338,956	1,031,338,955
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	26,390,750,699	77,258,872,017
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	3,755,471,604,819	3,855,561,319,012

Đinh Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 07 năm 2016

Võ Thành Công
Kế toán trưởngNguyễn Thị Bích Hạnh
Người lập

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CTGT 1 - CÔNG TY CPSố 623 Đường La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động
từ 01/04/2016 đến 30/06/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý 2/2016

MẪU B 02a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	527,272,761,252	1,187,510,368,218	977,309,850,517	2,008,590,501,617
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10=1-2	527,272,761,252	1,187,510,368,218	977,309,850,517	2,008,590,501,617
4. Giá vốn hàng bán	11	541,374,010,349	1,054,093,571,396	956,769,065,758	1,835,526,872,652
5. Lợi tức gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20=10-11	(14,101,249,097)	133,416,796,822	20,540,784,759	173,063,628,965
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	70,199,072,567	13,236,844,051	90,816,653,622	30,794,811,195
7. Chi phí tài chính	22	7,528,132,504	88,533,050,185	16,311,520,596	93,406,822,292
- Trong đó chi phí lãi vay	23	6,908,764,226	11,583,091,009	15,094,759,946	15,350,084,052
8. Chi phí bán hàng	25	-	-	-	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28,468,578,908	35,558,423,266	61,368,237,226	72,886,837,731
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	20,101,112,058	22,562,167,422	33,677,680,559	37,564,780,137
30= 20+(21-22)-(25+26)		0	0	0	0
11. Thu nhập khác	31	17,596,457,783	22,222,416,625	22,515,907,297	35,996,076,572
12. Chi phí khác	32	19,061,271,987	24,258,610,090	23,205,149,482	37,053,539,263
13. Lợi nhuận khác	40=31-32	(1,464,814,204)	(2,036,193,465)	(689,242,185)	-1,057,462,691
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50=30+40	18,636,297,854	20,525,973,957	32,988,438,374	36,507,317,446
15. CF Thuế thu nhập DN hiện	51	3,727,259,571	3,069,157,070	6,597,687,675	5,952,244,638
16. CF Thuế thu nhập DN hoãn lại	52	-	-	-	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60=50-51-52	14,909,038,283	17,456,816,887	26,390,750,699	30,555,072,808



Đinh Văn Thanh

Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 07 năm 2016

Võ Thành Công

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Hạnh

Người lập

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CTGT 1 - CÔNG TY CP

Số 623 Đường La Thành, Phường Thành Công,

Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động

từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 2/2016

MẪU B 03a-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	32,988,438,374
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định	02	13,257,308,673
Các khoản dự phòng	03	(17,572,655,124)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(20,917,853,587)
Chi phí lãi vay	06	15,094,759,946
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	22,849,998,282
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	292,448,213,602
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(117,737,213,904)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(75,599,103,342)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	19,028,958,896
Tiền lãi vay đã trả	14	(10,666,121,592)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(18,980,256,087)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1,708,725,132
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1,855,500,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	111,197,700,987
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	(692,590,905)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đvị khác	23	(62,000,000,000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đvị khác	24	52,497,498,527
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(8,500,000,000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	25,259,508,413
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3,632,387,300
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	10,196,803,335
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền thu từ đi vay	33	220,402,761,664
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(181,710,290,057)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(40,993,844,800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2,301,373,193)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	119,093,131,129
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	259,241,646,386
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	378,334,777,515



Đinh Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 07 năm 2016

Võ Thành Công
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Hạnh
Người lập

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo quyết định số 1756/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 06 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Tổng Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 0100104274, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2010.

Theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số 0100104274 cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 06 tháng 6 năm 2014, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 700 tỷ đồng, được chia thành 70 triệu cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần. Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 Công ty CP có 10 đơn vị thành viên, cụ thể bao gồm:

- Văn phòng Tổng Công ty;
- Công ty Thi công Cơ giới 1 - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty TNHH Một thành viên;
- Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1;
- Công ty Cung ứng Lao động quốc tế và Dịch vụ - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty TNHH Một thành viên;
- Chi nhánh Tây Nguyên Tổng Công ty xây dựng Công trình Giao thông 1;
- Trường Trung cấp nghề Công trình 1 - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty TNHH Một thành viên;
- Xí nghiệp Cầu 17;
- Xí nghiệp Cầu 18 - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1;
- Xí nghiệp xây dựng công trình Cienco 1 - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty TNHH Một thành viên;
- Công ty Xây dựng 123.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng Công trình công ích;
- Xây dựng Công trình kỹ thuật dân dụng khác; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, xe máy, mô tô và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Thiết kế Công trình cầu, đường bộ; Thiết kế Công trình dân dụng và Công nghiệp;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Đại lý giới thiệu việc làm; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Đại lý du lịch;
- Giáo dục nghề nghiệp; Dịch vụ tư vấn du học; Dạy ngoại ngữ và kỹ năng đàm thoại;
- Tư vấn xây dựng công trình giao thông; Khảo sát trắc địa Công trình; Khảo sát địa chất nền móng công trình;
-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở cộng dồn các chỉ tiêu trên các Báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc, cụ thể: cộng dồn các chỉ tiêu trên các Bảng cân đối kế toán, các chỉ tiêu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và tiến hành bù trừ các chỉ tiêu liên quan đến công nợ nội bộ, doanh thu nội bộ của tất cả các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc trong Tổng Công ty - Công ty Cổ phần.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Tổng Công ty - Công ty Cổ phần bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 - Công ty CP áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 - Công ty CP đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty - Công ty Cổ phần áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Quyết định 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 10
Phương tiện vận tải	2 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 7

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ... được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Tài sản cố định vô hình còn bao gồm giá trị phần mềm kế toán và được trích khấu hao trong 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	18,374,149,584	11,734,066,863
Tiền gửi ngân hàng	283,396,445,041	150,687,076,442
Các khoản tương đương tiền	76,564,182,890	96,820,503,081
Cộng	378,334,777,515	259,241,646,386

2. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	40,173,788,274	30,489,805,799
Công cụ, dụng cụ	533,721,273	510,702,696
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	933,451,242,963	824,718,554,251
Thành phẩm	858,868,535	1,537,047,117
Hàng hóa	528,649,863	528,649,963
Hàng mua đang đi trên đường	-	24,297,178
Cộng	975,546,270,908	857,809,057,004
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		
Giá trị thuần có thể thực hiện được	975,546,270,908	857,809,057,004

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

3. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
- <u>Tại ngày đầu năm</u>	<u>102,909,938,326</u>	<u>178,604,902,516</u>	<u>70,317,669,563</u>	<u>6,843,940,457</u>	<u>358,676,450,862</u>
- Mua trong kỳ	-	434,818,181	276,214,373	(18,441,649)	692,590,905
- Thanh lý nhượng bán	-	(8,245,573,959)	(3,829,384,810)	(44,090,909)	(12,119,049,678)
- Giảm khác	-	(292,772,724)	(675,000,000)	-	(967,772,724)
- <u>Tại ngày cuối kỳ</u>	<u>102,909,938,326</u>	<u>170,501,374,014</u>	<u>66,089,499,126</u>	<u>6,781,407,899</u>	<u>346,282,219,365</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
- <u>Tại ngày đầu năm</u>	<u>51,756,751,599</u>	<u>134,548,043,697</u>	<u>50,037,704,796</u>	<u>5,491,507,364</u>	<u>241,834,007,456</u>
- Khấu hao trong kỳ	2,421,894,590	6,318,820,530	4,114,147,692	270,581,846	13,125,444,658
- Thanh lý, nhượng bán	-	(5,430,991,812)	(1,100,240,420)	(41,714,899)	(6,572,947,131)
- Giảm khác	(547,684,852)	(35,000,000)	(291,588,399)	-	(874,273,251)
- <u>Tại ngày cuối kỳ</u>	<u>53,630,961,337</u>	<u>135,400,872,415</u>	<u>52,760,023,669</u>	<u>5,720,374,311</u>	<u>247,512,231,732</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
- <u>Tại ngày đầu năm</u>	<u>51,153,186,727</u>	<u>44,056,858,819</u>	<u>20,279,964,767</u>	<u>1,352,433,093</u>	<u>116,842,443,406</u>
- <u>Tại ngày cuối kỳ</u>	<u>49,278,976,989</u>	<u>35,100,501,599</u>	<u>13,329,475,457</u>	<u>1,061,033,588</u>	<u>98,769,987,633</u>

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CTGT 1 - CÔNG TY CP

Số 623 Đường La Thành, Phường Thành Công,

Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động

từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****4. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
- <u>Tại ngày đầu năm</u>	<u>13,113,548,462</u>	<u>70,000,000</u>	<u>13,183,548,462</u>
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
- <u>Tại ngày cuối kỳ</u>	<u>13,113,548,462</u>	<u>70,000,000</u>	<u>13,183,548,462</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	-	-	-
- <u>Tại ngày đầu năm</u>	<u>980,273,518</u>	<u>70,000,000</u>	<u>1,050,273,518</u>
- Khấu hao trong kỳ	131,864,015	-	131,864,015
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
- <u>Tại ngày cuối kỳ</u>	<u>1,112,137,533</u>	<u>70,000,000</u>	<u>1,182,137,533</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	-	-	-
- <u>Tại ngày đầu năm</u>	<u>12,133,274,944</u>	-	<u>12,133,274,944</u>
- <u>Tại ngày cuối kỳ</u>	<u>12,001,410,929</u>	-	<u>12,001,410,929</u>

5. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP cầu 12 - Ciencol	28,850,713,257	28,850,713,257
Công ty CP cơ khí xây dựng 121 - Ciencol	6,419,710,000	6,419,710,000
Công ty TNHH MTV QL&XD đường bộ 248		11,666,000,000
Cộng	<u>35,270,423,257</u>	<u>46,936,423,257</u>

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CTGT 1 - CÔNG TY CP

Số 623 Đường La Thành, Phường Thành Công,

Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động

từ 01/04/2016 đến 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****6. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty CP PT đầu tư và XD 115 - Cienco1	1,263,234,000	1,263,234,000
Công ty CP SXVL và XDCT 119-Cienco1	586,812,929	586,812,929
Công ty CPXD giao thông &TM 124	7,200,000,000	7,200,000,000
Công ty CP đầu tư & XDCT 128- Cienco 1	6,214,309,449	6,214,309,449
Công ty CP XDCT15-cienco1	4,500,000,000	4,500,000,000
Công ty CP BOT Cầu Việt Trì	48,532,400,000	45,532,400,000
Công ty TNHH đầu tư Cổ Chiên	49,400,000,000	49,400,000,000
Công ty CP đầu tư xây dựng - Cienco1 (CIC)	2,350,000,000	2,350,000,000
Công ty cổ phần XD công trình 1	4,900,000,000	4,900,000,000
Công ty CP TV đầu tư và XD Việt Nam	2,029,724,357	2,641,303,364
Công ty CP đầu tư hạ tầng FCC	40,000,000,000	40,000,000,000
Công ty CP SXVL & XD công trình 1	2,571,000,000	2,571,000,000
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư XDCT1	2,770,727,287	2,770,727,287
Công ty XD, SXCN và XNK 125	1,715,000,000	1,715,000,000
Công ty CP xi măng Mai Sơn.	57,494,028,490	57,494,028,490
Công ty CP TVĐT XDCT GT1 -Cienco1		1,809,942,987
Cộng	231,527,236,512	230,948,758,506

7. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Cty CP ĐT&XD hạ tầng Anphnam	4,025,905,831	4,025,905,831
Công ty CPĐT & XD công trình 134		5,823,411,406
Công ty CP BOT Cầu Bạch Đằng	85,500,000,000	80,000,000,000
Công ty CP BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ	148,172,580,000	148,172,580,000
Công ty TNHH BOT đường tránh Thanh Hoá	21,050,000,000	21,050,000,000
Công ty CPĐT TM &XD giao thông 1		5,348,575,013
Công ty TNHH Hall Brothers International	6,900,649,188	6,900,649,188
Đầu tư dài hạn khác	30,000,000	30,000,000
Cộng	265,679,135,019	271,351,121,438

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MÁU B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2015	700,000,000,000	8,333,588,483	1,691,222,348	70,185,727,774	780,210,538,605
- Tăng vốn trong kỳ					-
- Lợi nhuận trong kỳ				77,258,872,017	77,258,872,017
- Phân phối các quỹ			(1,691,222,348)	(70,000,000,000)	(70,000,000,000)
- Tăng/giảm khác				845,611,181	(845,611,167)
Số dư tại ngày 31/12/2015	700,000,000,000	8,333,588,483	-	78,290,210,972	786,623,799,455
- Tăng vốn trong kỳ					-
- Lợi nhuận trong kỳ				26,390,750,699	26,390,750,699
- Chia cổ tức				(63,000,000,000)	(63,000,000,000)
- Phân phối các quỹ		8,850,750,975		(14,258,872,016)	(5,408,121,041)
- Tăng/giảm khác					-
Số dư tại ngày 30/06/2016	700,000,000,000	17,184,339,458	-	27,422,089,655	744,606,429,113

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 2	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
- Doanh thu bán hàng	1,002,983,138	1,202,230,138
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	5,599,974,325	9,215,363,811
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	520,669,803,789	966,892,256,568
Cộng	527,272,761,252	977,309,850,517

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 2	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	675,568,206	836,387,145
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2,406,739,641	3,530,805,821
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	538,291,702,502	952,401,872,792
Cộng	541,374,010,349	956,769,065,758

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 2	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2,157,197,533	3,632,387,300
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	65,412,989,754	65,547,873,435
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	241,964,287	241,964,287
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	2,386,920,993	21,394,428,600
Cộng	70,199,072,567	90,816,653,622

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Quý 2	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
- Lãi tiền vay	6,908,764,226	15,094,759,946
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	220,639,229	271,830,552
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	52,448,012	110,018,517
- Chi phí tài chính khác	346,281,037	834,911,581
Cộng	7,528,132,504	16,311,520,596

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số cuối kỳ trên Bảng cân đối kế toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.



Đinh Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 07 năm 2016

Vũ Thành Công
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Hạnh
Người lập

**TỔNG CÔNG TY XDCT
GIAO THÔNG 1 – CÔNG TY CP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **0719** /TCT-HĐQT
V/v: Công bố thông tin định kỳ trên
cổng thông tin điện tử của UBCKNN.

Hà Nội, ngày **04** tháng 08 năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tên công ty: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP

Trụ sở chính: 623 La Thành – phường Thành Công – Ba Đình – Hà Nội

Điện thoại: 043.8350930

Fax: 043.7721232

Người thực hiện công bố thông tin: Cán Hồng Lai

Địa chỉ: Số 24A, ngõ 84, phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 0913203439 – 043.8350099

Fax: 043.7721232

Loại thông tin công bố: ☒ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

1. Báo cáo tài chính công ty mẹ Quý II năm 2016.
2. Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2016
3. Giải trình chênh lệch: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính Quý II năm 2016.

(Chi tiết xem file đính kèm)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng giám đốc;
- Trưởng BKS (b/c);
- Website Cienco1;
- Lưu: QHCB, VP.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Cán Hồng Lai

TỔNG CÔNG TY XDCT GIAO THÔNG I- CÔNG TY CP



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**HỢP NHẤT
QUÝ 2 NĂM 2016**

Hà nội, tháng 07/2016

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 2/2016**

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 - Công ty CP cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm:

Hội đồng quản trị

Cần Hồng Lai	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Phạm Văn Diệt	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Phạm Ngọc Hòa	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Phạm Việt Khoa	Ủy viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm 14/06/2016)
Ông Vương Đức Thọ	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Trần Đức Hòa	Ủy viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 14/06/2016)
Ông Đào Việt Tiến	Ủy viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 14/06/2016)
Ông Quách Bá Vương	Ủy viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 14/06/2016)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Quách Bá Vương	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 14/06/2016)
Ông Đinh Văn Thanh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 14/06/2016)
Ông Đinh Ngọc Đan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trường Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Đức Thọ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Việt Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Thắng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được cộng bổ và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,




Đinh Văn Thanh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý 2

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU B 01a-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	SỐ CUỐI QUÝ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	3,958,706,333,440	3,935,546,961,890
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	397,658,492,784	311,945,632,907
1. Tiền	111	321,094,309,894	207,432,134,749
2. Các khoản tương đương tiền	112	76,564,182,890	104,513,498,158
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	50,323,948,141	23,818,679,809
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	50,323,948,141	23,818,679,809
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	2,334,212,182,481	2,504,786,839,503
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1,626,113,050,129	1,858,493,457,617
2. Trả trước cho người bán	132	403,180,030,560	348,751,458,032
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	51,946,181,282	50,000,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	311,556,756,469	306,125,759,813
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	- 58,583,835,959	-58,583,835,959
IV. Hàng tồn kho	140	1,149,093,836,365	1,062,805,070,877
1. Hàng tồn kho	141	1,149,093,836,365	1,062,805,070,877
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	27,417,873,669	32,190,738,794
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	2,559,533,403	6,165,916,044
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	22,090,274,013	24,223,347,648
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	2,768,066,253	1,801,475,102
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	664,927,234,610	714,826,959,862
I- Các khoản phải thu dài hạn	210	1,015,331,700	565,331,700
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	104,687,000	104,687,000
2. Phải thu dài hạn khác	216	910,644,700	460,644,700
II. Tài sản cố định	220	177,053,894,826	206,359,032,327
1. Tài sản cố định hữu hình	221	163,666,043,272	192,830,910,882
- Nguyên giá	222	582,696,831,706	614,107,364,660
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	- 419,030,788,434	-421,276,453,778
2. Tài sản cố định vô hình	227	13,387,851,554	13,528,121,445
- Nguyên giá	228	15,468,389,968	15,468,389,968
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	- 2,080,538,414	-1,940,268,523
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	3,317,405,261	286,156,874
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	3,317,405,261	286,156,874
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	416,147,839,992	421,941,394,285
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	150,468,704,973	150,590,272,847
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	265,679,135,019	271,351,121,438
V. Tài sản dài hạn khác	260	67,392,762,831	85,675,044,676
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	61,074,098,081	79,376,001,417
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	3,086,379,807	2,851,272,654
3. Lợi thế thương mại	269	3,232,284,943	3,447,770,605
TỔNG CÔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	4,623,633,568,050	4,650,373,921,752

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Quý 2

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU B 01a-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ CUỐI QUÝ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	3,823,619,027,834	3,807,621,877,615
I. Nợ ngắn hạn	310	3,544,937,700,113	3,516,318,326,000
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	1,596,414,530,134	1,863,304,083,861
2. Người mua trả tiền trước	312	800,890,514,490	571,166,952,198
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	156,124,124,009	198,346,207,635
4. Phải trả người lao động	314	47,314,465,845	88,535,890,330
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	168,171,257,892	155,080,239,186
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	15,431,899,035	14,920,824,519
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	316,400,358,703	313,096,086,865
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	417,830,626,929	273,966,144,186
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	18,674,336,645	33,005,973,446
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	7,685,586,431	4,895,923,774
II. Nợ dài hạn	330	278,681,327,721	291,303,551,615
1. Phải trả dài hạn khác	337	17,617,538,260	19,007,142,889
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	231,578,902,315	239,570,503,257
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	29,484,887,146	32,725,905,469
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	800,014,540,216	842,752,044,137
I. Vốn chủ sở hữu	410	800,014,540,216	842,752,044,137
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	700,000,000,000	700,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	700,000,000,000	700,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	0	0
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	100,519,210	100,519,210
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	22,049,679,153	13,247,055,412
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	2,175,365,531	2,175,365,531
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	24,711,431,348	72,604,419,857
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	-1,749,707,330	-1,087,431,475
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	26,461,138,678	73,691,851,332
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	439	50,977,544,974	54,624,684,127
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	4,623,633,568,050	4,650,373,921,752



Đinh Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 07 năm 2016

Võ Thành Công
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thương
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 2 năm 2016

MẪU B 02a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	837,318,500,856	1,351,103,816,387	1,447,116,161,947	2,321,701,816,440
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	13,455,091,892	0	16,550,097,674	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10=1-2	823,863,408,964	1,351,103,816,387	1,430,566,064,273	2,321,701,816,440
4. Giá vốn hàng bán	11	813,353,157,548	1,197,050,192,482	1,366,856,736,620	2,106,915,604,846
5. Lợi tức gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20=10-11	10,510,251,416	154,053,623,905	63,709,327,653	214,786,211,594
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	70,341,807,269	6,903,044,081	91,067,508,138	24,642,940,654
7. Chi phí tài chính	22	11,912,656,075	18,730,256,642	24,938,639,614	26,352,558,980
- Trong đó chi phí lãi vay	23	11,215,214,907	17,211,284,291	23,130,452,431	21,535,550,321
8. Lãi lỗ trong liên kết, liên doanh	24	-59,508,952	-66,769,372,388	-174,242,098	-66,769,372,388
9. Chi phí bán hàng	25	0	0	0	0
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	46,530,583,132	50,040,534,467	92,597,395,992	100,672,120,218
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	22,349,310,525	25,416,504,489	37,066,558,087	45,635,100,662
30= 20+(21-22)-(24+25)				0	0
12. Thu nhập khác	31	21,035,746,277	23,505,591,078	27,761,112,103	37,761,955,969
13. Chi phí khác	32	22,420,331,979	25,199,757,266	28,341,671,300	39,201,756,790
14. Lợi nhuận khác	40=31-32	-1,384,585,702	-1,694,166,188	-580,559,197	-1,439,800,821
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50=30+40	20,964,724,823	23,722,338,301	36,485,998,890	44,195,299,841
16. CF Thuế thu nhập DN hiện thành	51	4,504,789,677	4,059,004,388	8,307,982,549	8,023,983,577
17. CF Thuế thu nhập DN hoãn lại	52	-150,303,484	0	-235,107,153	0
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	50=50-51-52	16,610,238,630	19,663,333,913	28,413,123,494	36,171,316,264
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	15,351,312,969	18,245,407,706	26,461,138,678	33,024,295,458
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	62	1,258,925,662	1,417,926,207	1,951,984,816	3,147,020,806
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	219	261	378	472



Đinh Văn Thanh
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 07 năm 2016

Võ Thành Công
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thương
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Quý 2 năm 2016

MẪU B 03a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	36,485,998,890
2. Điều chỉnh cho các khoản:		39,797,694,194
Khấu hao tài sản cố định	02	19,786,049,428
Các khoản dự phòng	03	17,572,655,124
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(131,945,770)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(20,559,517,019)
Chi phí lãi vay	06	23,130,452,431
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(63,616,507,543)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	171,741,139,506
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(86,288,765,488)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(117,683,036,786)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	21,908,285,977
Tiền lãi vay đã trả	14	(18,701,814,077)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(23,044,718,500)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(11,547,598,175)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	12,667,185,541
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	(3,058,709,160)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đvị khác	23	(62,000,000,000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đvị khác	24	33,548,550,386
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(8,500,000,000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	14,293,554,293
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3,883,241,816
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(21,833,362,665)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền thu từ đi vay	33	473,994,158,148
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(338,121,276,347)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(40,993,844,800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	94,879,037,001
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	85,712,859,877
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	311,945,632,907
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	397,658,492,784



Đình Văn Thanh
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 07 năm 2016

Võ Thành Công
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thương
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo quyết định số 1756/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 06 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Tổng Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 0100104274, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2010.

Theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số 0100104274 cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 6 tháng 6 năm 2014, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 700 tỷ đồng, được chia thành 70 triệu cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần. Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 - Công ty CP có 10 đơn vị thành viên, cụ thể bao gồm:

- Văn phòng Tổng Công ty;
- Công ty Thi công Cơ giới 1 - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty TNHH Một thành viên;
- Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1;
- Công ty Cung ứng Lao động quốc tế và Dịch vụ - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty TNHH Một thành viên;
- Chi nhánh Tây Nguyên Tổng Công ty xây dựng Công trình Giao thông 1
- Trường Trung cấp nghề Công trình 1 - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty TNHH Một thành viên;
- Xí nghiệp Cầu 17;
- Xí nghiệp Cầu 18 - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1
- Xí nghiệp xây dựng công trình Ciencol - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty TNHH Một thành viên; và
- Công ty Xây dựng 123;

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng Công trình công ích;
- Xây dựng Công trình kỹ thuật dân dụng khác; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, xe máy; mô tô và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Thiết kế Công trình cầu, đường bộ; Thiết kế Công trình dân dụng và Công nghiệp;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Đại lý giới thiệu việc làm; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Đại lý du lịch;
- Giáo dục nghề nghiệp; Dịch vụ tư vấn du học; Dạy ngoại ngữ và kỹ năng đàm thoại;
- Tư vấn xây dựng công trình giao thông; Khảo sát trắc địa Công trình; Khảo sát địa chất nền móng công trình;
-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Tổng Công ty - Công ty Cổ phần bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 - Công ty CP áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 - Công ty CP đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty - Công ty Cổ phần áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Các Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con là giống nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tổ hợp được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Tổng Công ty có 02 (hai) Công ty con. Chi tiết thông tin về các công ty con của Tổng Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động chính
Công ty CP cầu 12 - Cienco1	Long Biên - Hà Nội	50.60%	Xây dựng và thiết kế các công trình giao thông
Công ty CP cơ khí xây dựng 121 - Cienco1	Gia Lâm - Hà Nội	50.80%	Gia công cơ khí, xây dựng công trình và thiết kế công trình giao thông

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Các khoản đầu tư dài hạn

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là công ty mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá Đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Quyết định 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 10
Phương tiện vận tải	2 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 7

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ... được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Tài sản cố định vô hình còn bao gồm giá trị phần mềm kế toán và được trích khấu hao trong 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	23,712,766,226	24,207,119,682
Tiền gửi ngân hàng	297,381,543,668	183,225,015,067
Các khoản tương đương tiền	76,564,182,890	104,513,498,158
Cộng	397,658,492,784	311,945,632,907

2. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi đường		24,297,178
Nguyên liệu, vật liệu	50,500,183,763	38,447,591,885
Công cụ, dụng cụ	1,062,643,747	1,108,763,283
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1,096,143,490,457	1,021,158,721,551
Thành phẩm	858,868,535	1,537,047,117
Hàng hóa	528,649,863	528,649,863
Hàng gửi đi bán	-	-
Cộng	1,149,093,836,365	1,062,805,070,877

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

3. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
- <u>Tại ngày đầu năm</u>	<u>137,448,967,655</u>	<u>369,238,534,697</u>	<u>97,340,431,050</u>	<u>10,079,431,258</u>	<u>614,107,364,660</u>
- Mua trong kỳ	-	2,897,356,545	299,794,264	(18,441,649)	3,178,709,160
- Thanh lý nhượng bán	-	(9,010,238,648)	(4,563,691,000)	(44,090,909)	(13,618,020,557)
- Giảm khác	(2,363,594,109)	(7,572,060,331)	(10,838,382,075)	(197,185,042)	(20,971,221,557)
- <u>Tại ngày cuối kỳ</u>	<u>135,085,373,546</u>	<u>355,553,592,263</u>	<u>82,238,152,239</u>	<u>9,819,713,658</u>	<u>582,696,831,706</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
- <u>Tại ngày đầu năm</u>	<u>74,492,316,240</u>	<u>271,233,373,636</u>	<u>67,498,674,882</u>	-	-
- Khấu hao trong kỳ	3,106,202,988	11,615,439,400	4,568,891,979	355,245,170	19,645,779,537
- Thanh lý, nhượng bán	-	(6,195,656,501)	(1,834,546,610)	(41,714,899)	(8,071,918,010)
- Giảm khác	(1,750,209,474)	(5,013,400,583)	(6,884,553,612)	(171,363,202)	(13,819,526,871)
- <u>Tại ngày cuối kỳ</u>	<u>75,848,309,754</u>	<u>271,639,755,952</u>	<u>63,348,466,639</u>	<u>8,194,256,089</u>	<u>419,030,788,434</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
- <u>Tại ngày đầu năm</u>	<u>62,956,651,415</u>	<u>98,005,161,061</u>	-	-	-
- <u>Tại ngày cuối kỳ</u>	<u>59,237,063,792</u>	<u>83,913,836,311</u>	<u>29,841,756,168</u>	<u>2,027,342,238</u>	<u>192,830,910,882</u>
			<u>18,889,685,600</u>	<u>1,625,457,569</u>	<u>163,666,043,272</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
- Tại ngày đầu năm	14,710,135,968	758,254,000	15,468,389,968
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
- Tại ngày cuối kỳ	14,710,135,968	758,254,000	15,468,389,968
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
- Tại ngày đầu năm	1,182,014,523	758,254,000	1,940,268,523
- Khấu hao trong kỳ	140,269,891	-	140,269,891
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
- Tại ngày cuối kỳ	1,322,284,414	758,254,000	2,080,538,414
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
- Tại ngày đầu năm	13,528,121,445	-	13,528,121,445
- Tại ngày cuối kỳ	13,387,851,554	-	13,387,851,554

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CTGT 1 - CÔNG TY CPSố 623 Đường La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động
từ 01/04/2016 đến 30/06/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Tên công ty/ khoản đầu tư	Vốn TCT góp tại ngày 30/6/2016	Tăng giảm do biến động TS thuần đến 30/6/2016	Giá trị đầu tư theo PP vốn CSH đến 30/6/2016
Công ty liên doanh, liên kết	231,527,236,512	(81,058,531,539)	150,468,704,973
Công ty cổ phần XD công trình 1	4,900,000,000	(4,900,000,000)	-
Cty CP PT đầu tư và XD 115 - Cienco1	1,263,234,000	(518,314,022)	744,919,978
Công ty CP SXVL và XDCT 119-Cienco1	586,812,929	(586,812,929)	-
Công ty CPXD giao thông &TM 124	7,200,000,000	(7,200,000,000)	-
Cty đầu tư và xây dựng 125 (XD, SXCN XNK Th.Hóa)	1,715,000,000	(1,715,000,000)	-
Công ty CP đầu tư & XDCT 128- Cienco 1	6,214,309,449	(227,232,404)	5,987,077,045
Công ty CP XDCT15-cienco1 (Công ty XDCT 136 cũ)	4,500,000,000	(4,500,000,000)	-
Công ty CP BOT Cầu Việt Trì	48,532,400,000	(962,704,095)	47,569,695,905
Công ty TNHH đầu tư Cổ Chiên	49,400,000,000	(915,076,586)	48,484,923,414
Cty CP đầu tư xây dựng - Cienco1 (CIC)	2,350,000,000	(690,268,546)	1,659,731,454
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư XDCT1(Mien trung)	2,770,727,287	(116,698,084)	2,654,029,203
Công ty CP TV đầu tư và XD Việt Nam	2,029,724,357	259,110,346	2,288,834,703
Công ty CP đầu tư hạ tầng FCC	40,000,000,000	163,213,461	40,163,213,461
Công ty CP SXVL & XD công trình 1	2,571,000,000	(1,654,720,192)	916,279,808
Công ty CP xi măng Mai Sơn.	57,494,028,490	(57,494,028,490)	-

6. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Cty CP ĐT&XD hạ tầng Anphanam	4,025,905,831	4,025,905,831
Công ty CPĐT & XD công trình 134		5,823,411,406
C«ng ty CP BOT Cầu Bạch Đằng	85,500,000,000	80,000,000,000
Công ty CP BOT Pháp Vân - Cầu giẽ	148,172,580,000	148,172,580,000
Công ty TNHH BOT đường tránh Thanh Hoá	21,050,000,000	21,050,000,000
Công ty CPĐT TM &XD giao thông 1		5,348,575,013
Công ty TNHH Hall Brothers International	6,900,649,188	6,900,649,188
Đầu tư dài hạn khác	30,000,000	30,000,000
Cộng	265,679,135,019	271,351,121,438

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CTGT 1 - CÔNG TY CPSố 623 Đường La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động
từ 01/04/2016 đến 30/06/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09 - DN**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****7. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2015	700,000,000,000	-	8,333,588,483	1,691,222,348	79,770,675,966	72,110,115,909	861,905,602,706
- Tăng vốn trong kỳ			600,552,081	215,436,490			815,988,571
- Lợi nhuận trong kỳ					76,754,787,227	11,939,253,682	88,694,040,909
- Phân phối các quỹ				(760,500,000)	(71,572,257,030)	(4,679,045,999)	(77,011,803,029)
- Tăng/giảm khác		100,519,210	4,312,914,848	1,029,206,693	(12,348,786,306)	(24,745,639,465)	(31,651,785,020)
Số dư tại ngày 31/12/2015	700,000,000,000	100,519,210	13,247,055,412	2,175,365,531	72,604,419,857	54,624,684,127	842,752,044,137
- Tăng vốn trong kỳ							-
- Lợi nhuận trong kỳ					26,461,138,678	1,951,984,816	28,413,123,494
- Phân phối các quỹ			8,850,750,975		(63,000,000,000)		(54,149,249,025)
- Tăng/giảm khác			(48,127,234)		(11,354,127,188)	(5,599,123,968)	(17,001,378,390)
Số dư tại ngày 30/06/2016	700,000,000,000	100,519,210	22,049,679,153	2,175,365,531	24,711,431,348	50,977,544,974	800,014,540,216

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Trong đó:

	Quý 2	Lũy kế từ đầu năm
- Doanh thu bán hàng	1,002,983,138	1,202,230,138
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	5,599,974,325	9,215,363,811
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	830,715,543,393	1,436,698,567,998
Cộng	837,318,500,856	1,447,116,161,947

2. Giá vốn hàng bán

Trong đó:

	Quý 2	Lũy kế từ đầu năm
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	675,568,206	836,387,145
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2,406,739,641	3,530,805,821
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	810,270,849,701	1,362,489,543,654
Cộng	813,353,157,548	1,366,856,736,620

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 2	Lũy kế từ đầu năm
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2,299,932,235	3,883,241,816
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	65,412,989,754	65,547,873,435
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	241,964,287	241,964,287
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	2,386,920,993	21,394,428,600
Cộng	70,341,807,269	91,067,508,138

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Quý 2	Lũy kế từ đầu năm
- Lãi tiền vay	11,215,214,907	23,721,878,964
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	220,639,229	271,830,552
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	52,448,012	110,018,517
- Chi phí tài chính khác	424,353,927	834,911,581
Cộng	11,912,656,075	24,938,639,614

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý 2	Lũy kế từ đầu năm
Lợi nhuận sau thuế	15,351,312,969	26,461,138,678
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	70,000,000	70,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	219	378

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09 - DN

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

	Năm nay
Doanh thu	143,202,312,121
Công ty CP đầu tư hạ tầng FCC	57,660,295,573
Công ty CP BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ	10,117,432,543
Công ty CP BOT Cầu Bạch Đằng	75,424,584,005
Giá vốn	(611,461,645)
Công ty CP cơ khí xây dựng 121 - Cienco1	(611,461,645)

2. Số dư với các bên liên quan

	Năm nay
Phải thu khách hàng	21,491,546,355
Công ty TNHH BOT đường tránh Thanh Hoá	1,536,117,261
Công ty CP xi măng Mai Sơn.	2,298,896,555
Công ty CP BOT Cầu Việt Trì	12,078,723,448
Công ty TNHH đầu tư Cổ Chiên	5,577,809,091
Người mua trả tiền trước	247,629,297,222
Công ty CP đầu tư hạ tầng FCC	47,656,031,594
Công ty CP BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ	62,860,134,434
Công ty CP BOT Cầu Bạch Đằng	137,113,131,194
Phải trả người bán	44,913,912,178
Công ty CP cầu 12 - Cienco1	28,758,340,646
Công ty CP cơ khí xây dựng 121 - Cienco1	3,353,420,898
Cty CP đầu tư xây dựng - Cienco1 (CIC)	12,802,150,634
Trả trước cho người bán	15,666,011,372
Công ty CP SXVL và XDCT 119-Cienco1	1,113,077,071
Công ty CP TV đầu tư và XD Việt Nam	2,043,242,611
Công ty CP xi măng Mai Sơn.	12,509,691,690

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số cuối kỳ trên Bảng cân đối kế toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.




Đinh Văn Thanh
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 07 năm 2016


Võ Thành Công
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thương
Người lập

**TỔNG CÔNG TY XDCT
GIAO THÔNG 1 – CÔNG TY CP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **0718**/TCT-HĐQT

Hà Nội, ngày 4 tháng 8 năm 2016

*V/v Giải trình chênh lệch lợi
nhuận sau thuế TNDN trên báo cáo
tài chính Quý 2/2016.*

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ theo quy định tại thông tư 155/2015/TT- BTC ngày 6/10/2015 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Tổng công ty XDCT giao thông 1- Công ty CP xin giải trình về chênh lệch kết quả kinh doanh quý 2/2016 so với quý 2/2015 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Quý 2/2016	Quý 2/2015	Chênh lệch năm nay so với cùng kỳ năm trước
1	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính của công ty mẹ	14,909,038,283	17,456,816,887	-2,547,778,604
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính hợp nhất	16,610,238,630	19,663,333,913	-3,053,095,283
	trong đó:			0
	- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	15,351,312,969	18,245,407,706	-2,894,094,737
	- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	1,258,925,661	1,417,926,207	-159,000,546

Nguyên nhân lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính quý 2/2016 giảm so với quý 2/2015 là do năm 2016 là năm khó khăn của khối xây dựng cơ bản trong đó có Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc Tổng công ty. Do thị trường giảm sút nên doanh thu của Tổng công ty và các đơn vị giảm đáng kể. Tuy đã rất chú trọng nâng cao hiệu quả sản xuất kể từ khâu thị trường cho đến khâu quản lý chi phí sản xuất nhưng do doanh thu giảm nên lợi nhuận công ty mẹ và các công ty con cũng vì thế mà giảm theo.

Nay Tổng công ty XDCT giao thông 1- Công ty CP xin giải trình với Ủy ban Chứng Khoán và các nhà Đầu tư được rõ.

Xin trân trọng cảm ơn./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng giám đốc;
- Trưởng BKS (b/cáo);
- Website Cienco1;
- Phòng TCKT, QHCD;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

CÁN HỒNG LAI